



## KTCT-1-2 - trắc nghiệm - thầy Hiếu

Kinh tế chính trị mác-lênin (Trường Đại học Cần Thơ)



Scan to open on Studocu

1. Khái niệm thị trường theo nghĩa rộng
  - Tổng hoà các mối liên hệ liên quan đến trao đổi và mua bán hàng hoá
2. Đặc trưng chung của nền kinh tế thị trường là
  - Tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều chủ thể kinh tế.
  - Thị trường đóng vai trò quyết định phân bổ các nguồn lực xã hội
  - Giá cả được hình thành ngay trên thị trường
3. Tác động của quy luật giá trị
  - Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá
  - Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất
  - Phân hoá những người sản xuất
4. Trong qhệ cung cầu, khi nào giá cả bằng giá trị
  - cung = cầu
5. Cạnh tranh trong nội bộ ngành dẫn đến hình thành
  - Giá cả thị trường của hàng hoá
6. Cạnh tranh giữa các ngành dẫn đến hình thành
  - Giá trị thị trường của hàng hoá
7. Tham gia vào nền kinh tế thị trường gồm có các chủ thể nào sau đây
  - Người sx, người tiêu dùng, các chủ thể trung gian và Nhà nước
8. Điểm giống nhau trong công thức lưu thông hàng hoá giản đơn và lưu thông hàng hoá tư bản là:
  - đều có hai nhân tố tiền và hàng; đều thể hiện 2 hành vi mua và bán; đều thể hiện mqh giữa người mua và người bán
9. Điểm khác nhau trong công thức lưu thông TB và lưu thông hàng hoá giản đơn là:
  - Tiền thu về phải lớn hơn tiền bỏ ra; vận động không ngừng; bắt đầu bằng hành vi bán và kết thúc bằng hành vi mua
10. Tiền công danh nghĩa phụ thuộc vào nhân tố nào sau đây
  - quan hệ cung cầu sức lao động trên thị trường
11. trong các yếu tố dưới đây, yếu tố nào thuộc về tư bản cố định
  - đất đai làm mặt bằng sx; máy móc, nhà xưởng; tiền lương
12. nhận định nào sau đây là đúng về tư bản cố định
  - Tư bản cố định là tư bản thgia toàn bộ vào qtrinhf sx nhưng giá trị chỉ chuyển từng phần sang sản phẩm
13. Nhận định nào sau đây là đúng về tư bản lưu động
  - tư bản lưu động là tư bản tham gia vào qtrinh sx thì chuyển toàn bộ giá trị sang sản phẩm
14. phương pháp sx giá trị thặng dư tuyệt đối là phương pháp thu đc (m) bằng cách
  - kéo dài thgian lao động
15. quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào
  - khối lượng; tỉ lệ phân chia m cho tích lũy và tiêu dùng; tỉ suất m và cá nhân tố khác...
16. điểm khác nhau giữa tích tụ và tập trung tư bản là
  - Tích tụ tư bản phản ánh quan hệ giữa tư bản và người công nhân, còn tập trung tư bản phản ánh quan hệ giữa các nhà TB với nhau
  - tích tụ là tb tự lớn lên, còn tập trung lớn lên bằng cách kết hợp nhiều nhà tư bản nhỏ thành tb lớn

- tích tụ là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản, còn tập trung là phân phối lại tư bản xã hội
- 17. Trong xã hội tư bản, tư bản thương nghiệp ra đời từ:
  - tư bản công nghiệp
- 18. nguồn gốc của lợi nhuận thương nghiệp là do:
  - do tư bản công nghiệp nhường một phần m cho tb thương nghiệp
  - tb công nghiệp bán hàng dưới giá trị xã hội cho tb thương nghiệp
- 19. địa tô tuyệt đối hình thành trên
  - ruộng xấu
- 20. nguồn gốc của địa tô là do
  - công nhân nông nghiệp tạo ra
- 21. hình thức cạnh tranh của CNTB giai đoạn độc quyền là:
  - trong độc quyền và ngoài độc quyền; độc quyền này và độc quyền khác; độc quyền nước này và độc quyền nước khác
- 22. nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền nhà nước là
  - quá trình tích tụ và tập trung sx qui mô quá lớn
  - do xuất hiện một số ngành mà tư nhân không muốn đầu tư hoặc không thể đầu tư
  - do mâu thuẫn xã hội và quá trình quốc tế hoá đời sống kinh tế
- 23. Nhận định nào sau đây là đúng về những biểu hiện của CNTB độc quyền nhà nước
  - sự kết hợp về nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước
  - sự hình thành và phát triển của các loại hình sở hữu nhà nước
  - sự thgia điều tiết kinh tế của nhà nước tư bản
- 24. kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN là nền kinh tế
  - vừa tuân theo qui luật thị trường; vừa định hướng CNXH; mục tiêu là dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh
- 25. nghị quyết đại hội XII xác định nước ta có 4 thành phần kinh tế, trong đó không có thành phần nào sau đây
  - kinh tế cá thể
- 26. kinh tế nhà nước đóng vai trò gì trong nền kinh tế
  - chủ đạo
- 27. kinh tế tư nhân đóng vai trò gì trong nền kinh tế
  - quan trọng
- 28. quan hệ giữa các thành phần kinh tế trong nền kinh tế nước ta là
  - bình đẳng; hợp tác, cạnh tranh; cùng phát triển theo pháp luật
- 29. những hình thức phân phối chủ yếu kinh tế thị trường ở nước ta là:
  - phân phối theo lao động; phân phối theo hiệu quả kinh tế; phân phối thông qua các quỹ phúc lợi
- 30. các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích của nước ta là
  - trình độ phát triển LLSX; địa vị các chủ thể trong hệ thống QHSX xã hội; chính sách phân phối của nhà nước
- 31. vai trò của nhà nước trong bảo đảm hài hoà các lợi ích
  - bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế
  - điều hoà lợi ích giữa cá nhân - doanh nghiệp - xã hội
  - kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội
- 32. nội dung cách mạng công nghiệp lần thứ I là

- chuyển từ thợ thủ công sang thợ máy móc
- 33. nội dung cách mạng công nghiệp lần thứ II là
  - điện khí hoá
- 34. nội dung cách mạng công nghiệp lần thứ III là
  - tự động hoá tin học hoá
- 35. nội dung cách mạng công nghiệp lần thứ IV là
  - trí tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế ảo
- 36. mô hình công nghiệp hoá cổ điển tiêu biểu ở nước Anh, với nội dung cơ bản là
  - cơ khí hoá
- 37. công nghiệp hoá theo mô hình cổ điển được tiến hành theo lối
  - vừa tuần tự, vừa đi tắt, đón đầu
- 38. mô hình công nghiệp hoá kiểu LX cũ có đặc trưng là
  - ưu tiên phát triển công nghiệp nặng; nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc phân bổ các nguồn lực; theo cơ chế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu, bao cấp
- 39. địa tô chênh lệch I hình thành trên
  - đất tốt, trung bình
- 40. địa tô chênh lệch II hình thành trên
  - do thâm canh đất đai
- 41. pp sx GTTD tương đối là phương pháp thu được m bằng cách
  - tăng năng suất lao động
- 42. kinh tế chính trị của C.Mác kế thừa trực tiếp từ
  - david ricardo
- 43. Đối tượng của KTCT theo nghĩa rộng là nghiên cứu
  - QHSX trong mối liên hệ với LLSX và kiến trúc thượng tầng của nhiều phương thức sản xuất
- 44. đặc trưng cơ bản của quy luật kinh tế khác quy luật tự nhiên là
  - phát sinh và phát huy tác dụng thông qua hoạt động của con người
- 45. pp đặc trưng để nghiên cứu ktct là
  - pp thống kê; pp toán học; pp trừu tượng hoá
- 46. HH trao đổi với nhau vì
  - Chúng cùng là sp của lao động
  - có lượng thgian hao phí LĐ xã hội cần thiết để sx ra chúng bằng nhau
  - có lượng hao phí vật tư kỹ thuật bằng nhau
- 47. số lượng giá trị sử dụng phụ thuộc vào các nhân tố
  - những đk tự nhiên; chuyên môn sx; trình độ khoa học công nghệ
- 48. giá trị sd là phạm trù
  - vĩnh viễn
- 49. ai là người đã phát hiện ra tính chất hai mặt của LĐ sx hàng hoá
  - C.Mác
- 50. để phản ánh trình độ người lao động, C. Mác dùng khái niệm
  - LĐ giản đơn và LĐ phức tạp

10/04/2022